

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2024/HNGĐ-TLST ngày 12/01/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1987

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Lý Đỏ, T, B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Ba Lan.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại TAND tỉnh Hải Dương: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Nơi ở hiện nay: Số I N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Hoài N, sinh năm 1984

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Lý Đỏ, T, B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Hồng C, sinh năm 1960; bà Lê Thị H, sinh năm 1958

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1963;

Đều có địa chỉ: L, T, B, tỉnh Hải Dương.

(Chị L, ông C, bà H, bà T1, bà T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh N được triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đến năm 2015 vợ chồng ly thân, mâu thuẫn trầm trọng hơn khi đến năm 2017 anh N tự làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm hỏi han lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hoài A, sinh ngày 22/7/2006 và cháu Vũ Duy K, sinh ngày 21/8/2014. Anh chị thỏa thuận để anh N được nuôi cháu A, chị nuôi cháu K, thực tế cháu A đang sống cùng ông bà nội, cháu A sống cùng mẹ và bà ngoại; chị ủy quyền cho bà ngoại là bà Lê Thị T2 thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Duy K trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Về cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do nguyên đơn chị L không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh N, với bố mẹ đẻ của anh N và cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Vũ Hồng C và bà Lê Thị H: Ông bà xác định về điều kiện kết hôn giữa chị L, anh N như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống chị L, anh N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; khoảng năm 2014-2015 chị L, anh N có mâu thuẫn trầm trọng, từ đó vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, sau thời gian đó hai vợ chồng đều đi lao động tại nước ngoài nhưng không sinh sống cùng nhau. Thời gian gần đây chị L và anh N cùng về nhà một thời gian ngắn, hai bên gia đình đều động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý, quyết tâm ly hôn. Anh N mới bay sang Đài Loan sinh sống, chị L đi lao động tại Ba Lan; hiện anh N không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, anh N không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh N biết.

Về con chung: Anh N và chị L có 02 con chung là cháu Vũ Hoài A, sinh ngày 22/7/2006 và cháu Vũ Duy K, sinh ngày 21/8/2014. Anh N, chị L đã thỏa thuận từ trước khi chị L nộp đơn đến Tòa án là anh N nuôi cháu A, chị L nuôi cháu K vì vậy cháu A đang sống cùng ông bà nội, cháu K sống cùng ông bà ngoại, anh N nhờ ông bà thay anh N chăm sóc cháu A cho đến khi anh về nước trực tiếp chăm con, ông bà nhất trí và không yêu cầu anh N, chị L cấp dưỡng nuôi con cùng ông bà.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh N không có tài sản, công nợ chung.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị L, về điều kiện kết hôn giữa chị L, anh N như chị L trình

bày là đúng. Quá trình chung sống chị L, anh N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sau đó chị L đi lao động tại Nhật Bản, anh N lao động tại Đài Loan, thời gian vừa qua, chị L và anh N đều về nước, gia đình hai bên đã nhiều lần động viên để anh chị đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh N; sau đó anh N tiếp tục đi Đài Loan, chị L đi Ba Lan lao động. Từ khi ở nhà, chị L và anh N có thỏa thuận là anh N nuôi cháu A, chị L nuôi cháu K vì vậy cháu A đang sống cùng ông bà nội, cháu K sống cùng tôi. Chị L có ủy quyền cho tôi chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Vũ Duy K trong thời gian chị L không có nhà, tôi nhất trí và không yêu cầu chị L, anh N cấp dưỡng nuôi con cùng tôi. Đề nghị Tòa án chấp nhận thỏa thuận nuôi con của chị L, anh N

- Cháu A có quan điểm được ở với bố, cháu K có quan điểm được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H1, anh T3 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh N. Về con chung, giao cháu Vũ Hoài A, sinh ngày 22/7/2006 cho anh Vũ Hoài N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; tạm giao cháu A cho ông Vũ Hồng C và bà Lê Thị H chăm sóc trong thời gian anh N không có nhà. Giao cháu Vũ Duy K, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Vũ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; tạm giao cháu K cho bà Trần Thị T1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có nhà.

Chị L và anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Hoài N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện tại anh N đang sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị L, bà T, ông C, bà H, bà T1 có quan điểm xin giải quyết vắng mặt, anh N được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị L, anh N, bà T, ông C, bà H, bà T1.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm, mỗi người sống một nơi nên không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; vợ chồng mỗi người sống một nơi trong thời gian dài, không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh N cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Chị L và anh N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hoài A, sinh ngày 22/7/2006 và cháu Vũ Duy K, sinh ngày 21/8/2014. Hiện cháu A đang sống cùng ông bà nội, cháu K sống cùng ông bà ngoại. Về cấp dưỡng hai vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy thực tế, chị L và anh N đã có thỏa thuận về nuôi con trước khi nộp đơn đến Tòa án nên cháu A đang sống cùng ông bà nội, cháu K sống cùng bà ngoại. Bản thân cháu A cũng có quan điểm xin được ở cùng bố và ông bà nội, cháu K xin được ở cùng mẹ và bà ngoại. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định việc học tập, chỗ ở của cháu A, cháu K, cần tiếp tục giao cháu A cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cháu A cho ông C, bà H chăm sóc trong thời gian anh N không có nhà. Giao cháu K cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; tạm giao cháu K cho bà Lê Thị T2 (mẹ đẻ chị L) chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có nhà. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh N không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông Vũ Hồng C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị T2 tự nguyện không yêu cầu anh N, chị L chu cấp tiền nuôi con cùng ông bà, quan điểm trên của ông bà là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Vũ Hoài N.
2. Về quan hệ con chung: Giao con Vũ Hoài A, sinh ngày 22/7/2006 cho anh Vũ Hoài N; giao con Vũ Duy K, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Vũ Thị L chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tạm giao con Vũ Hoài A cho ông Vũ Hồng C và bà Lê Thị H (bố mẹ đẻ anh N) chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có nhà. Tạm giao con Vũ Duy K cho bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ chị L) chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có nhà. Chấp nhận sự tự nguyện của ông C, bà H, bà T1 không yêu cầu anh N, chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị L, anh Vũ Hoài N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000411 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến